




MEDICARE
Bảo hiểm Sức khỏe

Bảo hiểm
Sức khỏe Tiêu chuẩn

Với Bảo hiểm Liberty, bạn Vững tâm Tiến bước



Liberty
Insurance



- Thanh toán chi phí y tế cho tai nạn và bệnh tật.
- Không giới hạn chi phí nằm viện và số ngày điều trị.
- Chi trả toàn bộ chi phí cấy ghép bộ phận, chăm sóc tại nhà, phẫu thuật, điều trị trong ngày, cứu hộ và vận chuyển y tế khẩn cấp trong nước.
- Không áp dụng thời gian chờ cho các bệnh đặc biệt.
- Không giới hạn số lần khám bệnh và chi phí cho mỗi lần khám.
- Có thể lựa chọn quyền lợi điều trị ngoại trú, thai sản và nha khoa theo nhu cầu tài chính của khách hàng.
- Thích hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Khách hàng có thể yêu cầu bồi thường trực tiếp từ Liberty, giúp giảm bớt áp lực hành chính cho các công ty.
- Thủ tục bồi thường minh bạch, nhanh chóng và công bằng.
- Dịch vụ khách hàng 24/7  **1800 599 998** (miễn cước).

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ (Đơn vị tính: VNĐ)

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình M1	Chương trình M2	Chương trình M3	Chương trình M4
Giới hạn bảo hiểm tối đa	120.000.000	250.000.000	500.000.000	1.000.000.000
Tất cả chi phí nằm viện Bao gồm chi phí phẫu thuật, phòng mổ, trang thiết bị phẫu thuật, nghiên cứu, chăm sóc y tế v.v...	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Tiền phòng và ăn uống - theo ngày Phòng săn sóc đặc biệt - theo ngày Giường cho người nhà - theo ngày (cùng phòng với trẻ em dưới 18 tuổi, tối đa 10 ngày/năm)	1.000.000 2.500.000 Không áp dụng	1.500.000 4.000.000 Không áp dụng	2.500.000 6.000.000 Không áp dụng	4.000.000 15.000.000 1.000.000
Điều trị ung thư Điều trị nội trú hoặc điều trị trong ngày tại bệnh viện Tối đa cho một năm hợp đồng	50.000.000	100.000.000	250.000.000	Toàn bộ
Điều trị trong ngày Nhập viện nhưng không ở qua đêm tại bệnh viện Tối đa cho một năm hợp đồng	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Dịch vụ xe cấp cứu Dịch vụ vận chuyển cấp cứu đường bộ cần thiết đến và từ bệnh viện tại địa phương	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí cấy ghép bộ phận Đối với thận, tim, gan và tủy xương Tối đa cho từng bệnh lý hay thương tật	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí điều trị trước và sau khi nằm viện Chi phí ngoại trú trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện và 90 ngày ngay sau khi xuất viện Tối đa cho mỗi lần nằm viện	6.000.000	8.000.000	10.000.000	20.000.000
Điều trị tại khoa cấp cứu Các dịch vụ được thực hiện tại khoa cấp cứu hoặc phòng cấp cứu của bệnh viện trong thời gian không quá 24 giờ	6.000.000	10.000.000	15.000.000	Toàn bộ
Y tá chăm sóc tại nhà Tối đa 182 ngày cho một năm hợp đồng	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị nha khoa khẩn cấp Ngay sau khi tai nạn xảy ra với điều kiện rằng chữa trị phải trong tình trạng tốt và là răng thật Tối đa cho một năm hợp đồng	Không áp dụng	Không áp dụng	20.000.000	50.000.000
AIDS/HIV Xảy ra trong thời gian hiệu lực hợp đồng, bao gồm những năm tái tục và xuất hiện sau khi hợp đồng liên tục trong 5 năm kể từ ngày hiệu lực đầu tiên	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	10% giới hạn bảo hiểm năm/suốt đời
Vận chuyển y tế cấp cứu / Hồi hương	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Vận chuyển thi hài về quê quán	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Thông tin và hỗ trợ về y tế/pháp luật	24/7	24/7	24/7	24/7

BẢO HIỂM BỔ SUNG TỰY CHỌN (Đơn vị tính: VNĐ)

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình M1	Chương trình M2	Chương trình M3	Chương trình M4
1. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ				
Giới hạn bảo hiểm tối đa	10.000.000	15.000.000	20.000.000	30.000.000
Điều trị ngoại trú tổng quát	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị ngoại trú chuyên khoa	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Xét nghiệm và chụp X-quang (theo chỉ định bác sĩ)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Thuốc theo đơn kê (theo chỉ định bác sĩ)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí chữa trị Đông y, nắn xương & châm cứu đông y Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 10 lần điều trị trong năm	150.000 / mỗi lần khám	150.000 / mỗi lần khám	200.000 / mỗi lần khám	300.000 / mỗi lần khám
Vật lý trị liệu và nắn khớp xương (theo chỉ định bác sĩ) Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 15 lần điều trị trong năm	200.000 / mỗi lần khám	300.000 / mỗi lần khám	400.000 / mỗi lần khám	600.000 / mỗi lần khám
2. CHĂM SÓC NHA KHOA Chỉ áp dụng khi mua cùng với Chương trình Điều trị Ngoại trú bao gồm 20% đồng chi trả.				
Giới hạn bảo hiểm tối đa				10.000.000
Kiểm tra răng định kỳ (bao gồm cạo vôi & đánh bóng) (một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng)				2.000.000
Quyền lợi nha khoa cơ bản (Nhổ răng, trám amalgam, chụp X-quang, lấy cao răng)				Toàn bộ
Quyền lợi nha khoa chủ yếu Nhổ răng mọc bất thường, lấy tủy, cắt u răng, cắt cuống răng				Toàn bộ
3. THAI SẢN Được áp dụng khi mua cùng Chương trình Điều trị Nội trú				
Giới hạn bảo hiểm tối đa				40.000.000
Chi phí trước và sau khi sinh, chi phí sinh em bé, chi phí điều trị do hư thai, phá thai vì lý do y tế, hoặc bất kỳ biến chứng nào phát sinh từ việc mang thai, bao gồm chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh 30 ngày. Thời gian chờ cho Thai sản là 12 tháng.				Toàn bộ

ĐIỀU KIỆN THAM GIA BẢO HIỂM

	Chương trình M1 & M2 120 triệu & 250 triệu đồng	Chương trình M3 & M4 500 triệu & 1 tỉ đồng
Người được bảo hiểm	- Nhân viên làm việc toàn thời gian tại Doanh nghiệp/Tổ chức - Vợ/chồng, con hợp pháp của Nhân viên	- Gia đình bao gồm vợ/chồng và con - Nhân viên làm việc toàn thời gian tại Doanh nghiệp/Tổ chức - Vợ/chồng, con hợp pháp của pháp của Nhân viên
Độ tuổi tham gia bảo hiểm	- Khách hàng mới: từ 15 ngày tuổi đến 64 tuổi - Khách hàng tái tục: tối đa đến 74 tuổi	
Số người được bảo hiểm tối thiểu	20 người	02 người

BẢNG PHÍ BẢO HIỂM (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)

	Điều trị Nội trú				Bảo hiểm Bỏ sung Tùy chọn					
Nhóm tuổi	C/T M4 Diamond	C/T M3 Gold	C/T M2 Silver	C/T M1 Bronze	Ngoại trú M4	Ngoại trú M3	Ngoại trú M2	Ngoại trú M1	Nha Khoa	Thai Sản
15 ngày - 1 tuổi	5.597	4.020	2.814	2.010	5.038	4.534	3.527	3.023	3.350	
2 tuổi - 5 tuổi	5.130	3.685	2.580	1.843	4.618	4.156	3.233	2.771	3.350	
6 - 17	4.524	3.242	2.269	1.621	4.035	3.631	2.825	2.421	3.350	
18 - 24	4.151	2.961	2.072	1.481	3.544	3.190	2.481	2.126	3.350	4.876
25 - 29	4.571	3.242	2.269	1.621	3.988	3.589	2.792	2.393	3.350	4.876
30 - 34	5.317	3.777	2.644	1.889	4.221	3.798	2.955	2.532	3.350	4.876
35 - 39	6.809	4.851	3.396	2.426	5.317	4.786	3.722	3.190	3.350	4.876
40 - 44	8.535	5.830	4.081	2.915	5.993	5.393	4.195	3.596	3.350	4.876
45 - 49	11.194	7.625	5.337	3.813	7.252	6.527	5.077	4.352	3.350	
50 - 54	13.059	9.351	6.546	4.676	7.136	6.422	4.995	4.281	3.350	
55 - 59	16.744	11.987	8.391	5.994	7.719	6.947	5.403	4.631	3.350	
60 - 64	22.620	16.184	11.329	8.093	8.208	7.388	5.745	4.925	3.350	
65 - 69 (*)	31.459	22.504	15.753	11.252	11.497	10.348	8.048	6.898	3.350	
70 - 74 (*)	51.887	37.149	26.004	18.575	18.352	16.518	12.847	11.011	3.350	

(*) Chỉ áp dụng cho tái tục

PHẠM VI ĐỊA LÝ

Việt Nam

CHÍNH SÁCH GIẢM PHÍ BẢO HIỂM

	Số người được bảo hiểm	Tỷ lệ giảm phí
Đối với chương trình M1 & M2	30 – 50	5%
	51 – 100	10%
	101 – 150	15%
	151 – 200	20%
Đối với chương trình M3 & M4	Gia đình từ 3 thành viên trở lên	5%
	Nhóm 5 – 10	10%
	11 – 30	15%
	31 – 50	20%

Ghi chú quan trọng:

Bảng phí bảo hiểm này có hiệu lực từ ngày 15/09/2015 và chỉ áp dụng cho Nhóm nghề nghiệp loại I và II và cho những rủi ro tiêu chuẩn.

Bảng tóm tắt trong tờ giới thiệu này hỗ trợ cho khách hàng trong việc cân nhắc các quyền lợi của chương trình Bảo hiểm Sức khỏe Liberty Medicare. Tất cả các quyền lợi sẽ được trả theo các mức chi phí hợp lý tại nơi cung cấp dịch vụ.

Hợp đồng bảo hiểm này chỉ dành cho công dân Việt Nam và thường trú nhân Việt Nam; nhưng không áp dụng cho công dân của các nước bị cấm vận theo nghị quyết của Liên Hiệp Quốc, Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, Liên Hiệp Châu Âu và Vương Quốc Anh.

Tài liệu này chỉ có tính chất tham khảo. Để có đầy đủ thông tin mới nhất về quyền lợi, điều kiện, giới hạn và điểm loại trừ, khách hàng nên tham khảo hợp đồng bảo hiểm và bản sửa đổi bổ sung (nếu có) do Liberty cung cấp.

Thông tin về Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

Bảo hiểm Liberty là thành viên của Liberty Mutual Insurance (www.LibertyMutual.com), một tập đoàn bảo hiểm đa ngành toàn cầu, thành lập năm 1912 và có trụ sở chính tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ.



Tính đến ngày 31/12/2014, Liberty Mutual Insurance có tổng tài sản 124,3 tỷ đô la Mỹ, tổng doanh thu 39,6 tỷ đô la Mỹ, và xếp hạng:

- Thứ 3 nước Mỹ và thứ 6 thế giới trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản và thiệt hại.
- Thứ 78 trong danh sách các tập đoàn lớn nhất nước Mỹ.

Liberty Mutual Insurance có hơn 50.000 nhân viên làm việc ở 900 văn phòng tại 30 quốc gia trên toàn thế giới.

Tại Việt Nam, Bảo hiểm Liberty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm toàn diện dành cho xe ô tô, nhà cửa, sức khỏe, du lịch, tài sản và trách nhiệm, v.v. với chi phí hợp lý.

Bảo hiểm Liberty là công ty đầu tiên (và duy nhất ở Việt Nam hiện nay) thiết lập Trung tâm Dịch vụ Khách hàng đa năng **OneCall 1800 599 998** (miễn cước) hoạt động 24/7. Điều này góp phần giúp Liberty trở thành nhà bảo hiểm ô tô được yêu thích nhất theo khảo sát từ các công ty nghiên cứu thị trường danh tiếng như Cimigo và Ipsos.

● Trụ sở chính

Tầng 15, Kumho Asiana Plaza Saigon
39 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
T: (84-8) 38 125 125 – F: (84-8) 38 125 018

● Chi nhánh

Tầng 16, Tòa nhà Quốc tế Hòa Bình
106 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
T: (84-4) 37 557 111 – F: (84-4) 37 557 066

● Văn phòng Giao dịch

Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà Savico
66 Võ Văn Tần, Đà Nẵng
T: (84-511) 374 9998 – 374 9999
F: (84-511) 374 9996

Đồng Nai

F218 Võ Thị Sáu,
Phường Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai
T: (84-61) 391 8983
F: (84-61) 391 8407

● Trung tâm Dịch vụ Khách hàng 24/7

Tầng 5, Tòa nhà Etown 1
364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

OneCall 1800 599 998

Hotline@LibertyInsurance.com.vn
www.LibertyInsurance.com.vn